

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
ĐÃ HOÀN THÀNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC  
(Dữ liệu cập nhật đến ngày 31/01/2024)

A. SỐ LIỆU TỔNG HỢP

I. Thông tin chung

1	Số chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá	1.530
2	Số chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	1.276
3	Số chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	1.147

II. Số lượng các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước

TT	Tên tổ chức KĐCLGD	CTĐT	
		Đánh giá	Công nhận
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)	406	386
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA)	179	142
3	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	181	169
4	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (CEA-UD)	76	66
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VU-CEA)	221	202
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG)	90	84
7	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	123	98
	Tổng	1.276	1.147

## B. DANH SÁCH CHI TIẾT

### 1. Chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (GDDH)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	1.	Khai thác vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		2.	Kinh tế vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		3.	Kinh tế xây dựng	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		6.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		7.	Công nghệ thông tin	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		8.	Kỹ thuật điện	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		9.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		10.	Kỹ thuật nhiệt	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		11.	Kỹ thuật xây dựng	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		12.	Quản trị kinh doanh	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học	13.	Tâm lý học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		14.	Việt Nam học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017

Quốc gia Hà Nội	15.	Quốc tế học	2018	4/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	16.	Lưu trữ học	2019	01/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	17.	Đô thị học	2021			Cập nhật 30/12/2021
	18.	Ngôn ngữ Nga	2021			Cập nhật 30/12/2021
	19.	Báo chí	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	20.	Quan hệ công chúng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	21.	Khoa học quản lý	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	22.	Tôn giáo học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	23.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	24.	Quản trị khách sạn	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	25.	Quản trị văn phòng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	26.	Đông phương học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	27.	Ngôn ngữ học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	28.	Triết học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	29.	Văn học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		30.	Quản lý thông tin	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		31.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		32.	Thông tin thư viện	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
3	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	33.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	8/2017	10/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/01/2018)	Cập nhật 31/01/2018
		34.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		35.	Sư phạm Toán học	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		36.	Sư phạm Ngữ văn	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		37.	Sư phạm Hoá học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		38.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		39.	Sư phạm Sinh học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		40.	Sư phạm Vật lý	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		41.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		42.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		43.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
4	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	44.	Tài chính - Ngân hàng	9/2017	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		45.	Kế toán	10/2017	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		46.	Kinh tế	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		47.	Kinh tế phát triển	2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (07/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		48.	Kinh tế quốc tế	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		49.	Quản trị kinh doanh	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		50.	Tài chính - Ngân hàng	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		51.	Kế toán	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
5	Trường Đại học Vinh	52.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		53.	Ngôn ngữ Anh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 90% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		54.	Quản trị kinh doanh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		55.	Sư phạm Hóa	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		56.	Giáo dục Tiểu học	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 96% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		57.	Luật Kinh tế	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		58.	Giáo dục Mầm non	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		59.	Kế toán	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		60.					
		61.	Sư phạm Ngữ văn	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 98% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		62.	Sư phạm Địa lý	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		63.	Công nghệ Thực phẩm	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		64.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		65.	Sư phạm Tiếng Anh	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		66.	Sư phạm Lịch sử	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		67.	Giáo dục thể chất	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		68.	Tài chính - Ngân hàng	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		69.	Kinh tế Xây dựng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		70.	Kĩ sư Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		71.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		72.	Kĩ sư Nuôi trồng thủy sản	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		73.	Luật	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		74.	Kĩ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		75.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		76.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

		77.	Công tác xã hội	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		78.	Sư phạm Vật lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		79.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		80.	Quản lý giáo dục	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		81.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		82.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		83.	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		84.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	85.	Sư phạm Hóa học (Chương trình chất lượng cao)	4/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		86.	Giáo dục Tiểu học	4/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		87.	Sư phạm Tin học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		88.	Sư phạm Sinh học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		89.	Sư phạm Tiếng Anh	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		90.	Giáo dục Mầm non	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		91.	Giáo dục Đặc biệt	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		92.	Công tác xã hội	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		93.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		94.	Tâm lý học giáo dục	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		95.	Sư phạm Vật lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		96.	Sư phạm Toán học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		97.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		98.	Sư phạm Lịch sử	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		99.	Sư phạm Địa lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		100.	Giáo dục thể chất	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		101.	Giáo dục công dân	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	102.	Điều dưỡng	12/2018	01/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (01/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		103.	Hộ sinh	3/2022	6/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		104.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
8	Trường Đại học Sài Gòn	105.	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		106.	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		107.	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		108.	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		109.	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		110.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021



		111.	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		112.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		113.	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		114.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		115.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		116.	Quản lý Giáo dục	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		117.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		118.	Sư phạm Địa lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		119.	Sư phạm Vật lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		120.	Kế toán	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		121.	Giáo dục Mầm non	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		122.	Sư phạm Sinh học	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		123.	Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		124.	Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		125.	Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		126.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		127.	Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		128.	Ngôn ngữ học (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023

		129.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		130.	Việt Nam học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		131.	Quốc tế học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		132.	Ngôn ngữ Anh	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		133.	Giáo dục Chính trị	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		134.	Sư phạm Mỹ thuật	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		135.	Sư phạm Âm nhạc	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		136.	Tâm lý học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		137.	Thông tin - Thư viện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		138.	Quản trị văn phòng	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		139.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		140.	Kinh doanh quốc tế	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		141.	Kỹ thuật phần mềm	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		142.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		143.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		144.	Kỹ thuật điện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
9	Trường Đại học Công thương	145.	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

TP. Hồ Chí Minh	146.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	147.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA) 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	148.	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	149.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	150.	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	151.	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	152.	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	153.	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	154.	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	155.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	156.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	157.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
	158.	Ngôn ngữ Anh	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
	159.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022

		160.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		161.	Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		162.	Công nghệ dệt, may	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		163.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		164.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		165.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		166.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		167.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		168.	An toàn thông tin	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		169.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		170.	Khoa học chế biến món ăn	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		171.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
10	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	172.	Điều dưỡng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		173.	Y tế công cộng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		174.	Dược học	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
11	Trường Đại học Đồng Tháp	175.	Sư phạm Hóa học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		176.	Sư phạm Toán học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

	177.	Giáo dục tiểu học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	178.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	179.	Giáo dục Chính trị	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	180.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	181.	Quản trị kinh doanh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	182.	Giáo dục thể chất	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	183.	Khoa học môi trường	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	184.	Ngôn ngữ Anh	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
	185.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	186.	Khoa học máy tính	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	187.	Sư phạm Địa lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	188.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	189.	Sư phạm Vật lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	190.	Việt Nam học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
	191.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CĐ)	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
	192.	Kế toán	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
	193.	Nông học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
	194.	Sư phạm Âm nhạc	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		195.	Sư phạm Mỹ thuật	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		196.	Sư phạm Sinh học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		197.	Sư phạm Tin học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
12	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	198.	Sư phạm Ngữ văn	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		199.	Sư phạm Lịch sử	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		200.	Giáo dục mầm non	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		201.	Sư phạm Sinh học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		202.	Sư phạm Toán	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		203.	Sư phạm Hóa học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		204.	Sư phạm Vật lý	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		205.	Giáo dục chính trị	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		206.	Giáo dục Thể chất	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		207.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		208.	Sư phạm Địa lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		209.	Sư phạm tiếng Anh	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		210.	Sư phạm Tâm lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		211.	Sư phạm Tin học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		212.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		213.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		214.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		215.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
13	Trường Đại học Thủy lợi	216.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		217.	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		218.	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		219.	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		220.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		221.	Kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		222.	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		223.	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		224.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		225.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		226.	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		227.	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
14	Trường Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội	228.	Kinh doanh quốc tế	10/2018	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		229.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	4/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2022

		230.	Hệ thống thông tin	12/2023	01/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		231.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	12/2023	01/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
15	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	232.	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		233.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		234.	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		235.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		236.	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		237.	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		238.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		239.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		240.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		241.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		242.	Việt Nam học	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023



		243.	Điều dưỡng	3/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		244.	Quản trị nhân lực	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		245.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ )	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		246.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ )	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		247.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		248.	Đông phương học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		249.	Quản lý tài nguyên và môi trường	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		250.	Thiết kế nội thất	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		251.	Thanh nhạc	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		252.	Y học dự phòng	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
16	Trường Đại học Nam Cần Thơ	253.	Quản trị kinh doanh	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		254.	Dược học	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		255.	Luật Kinh tế	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		256.	Kỹ thuật xây dựng	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019

		257.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		258.	Công nghệ thông tin	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		259.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		260.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		261.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		262.	Luật	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		263.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		264.	Xét nghiệm y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
17	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	265.	Kế toán	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		266.	Quản trị kinh doanh	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		267.	Kỹ thuật địa chất	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		268.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		269.	Công nghệ thông tin	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		270.	Kỹ thuật Dầu khí	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		271.	Kỹ thuật Mỏ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		272.	Kỹ thuật Môi trường	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		273.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		274.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020

		275.	Kỹ thuật Xây dựng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		276.	Kỹ thuật điện	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		277.	Kỹ thuật cơ khí	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		278.	Quản lý đất đai	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
18	Trường Đại học Y Dược - ĐH Quốc gia Hà Nội	279.	Dược học	01/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		280.	Y khoa	02/2020	5/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		281.	Kỹ thuật Hình ảnh Y Học (chuẩn trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		282.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y Học (chuẩn trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		283.	Răng Hàm Mặt (chất lượng cao trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		284.	Ngành Mắt (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		285.	Ngành Nhi khoa (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		286.	Ngành Răng Hàm Mặt (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
19	Trường Đại học Tài chính - Marketing	287.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sỹ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		288.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sỹ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		289.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019

		290.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		291.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		292.	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		293.	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		294.	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		295.	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		296.	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		297.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		298.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		299.	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		300.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		301.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		302.	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		303.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		304.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		305.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		306.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		307.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		308.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
20	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	309.	Bác sỹ chuyên khoa I	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2019
		310.	Y học Dự phòng (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		311.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
21	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	312.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		313.	Công nghệ thực phẩm	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		314.	Công nghệ thông tin	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		315.	Kế toán	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		316.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		317.	Công nghệ Chế tạo máy	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		318.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		319.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		320.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		321.	Quản trị kinh doanh	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		322.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
22	Trường Đại học Hà Nội	323.	Công nghệ thông tin	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		324.	Ngôn ngữ Nhật	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		325.	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		326.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		327.	Ngôn ngữ Đức	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		328.	Ngôn ngữ Pháp	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		329.	Quản trị kinh doanh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		330.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		331.	Kế toán	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		332.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		333.	Ngôn ngữ Italia	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		334.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		335.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		336.	Ngôn ngữ Nga	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
23	Trường Đại học Nha Trang	337.	Công nghệ chế biến thủy sản	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		338.	Kỹ thuật tàu thủy	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		339.	Công nghệ sinh học	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		340.	Nuôi trồng thủy sản	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		341.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		342.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		343.	Quản trị khách sạn	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		344.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		345.	Quản lý thủy sản	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		346.	Công nghệ thực phẩm	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		347.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
24	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	348.	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		349.	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		350.	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		351.	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		352.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		353.	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		354.	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		355.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		356.	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		357.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		358.	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		359.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		360.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		361.	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		362.	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		363.	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		364.	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		365.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		366.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		367.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		368.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		369.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		370.	An toàn thông tin	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		371.	Quản trị khách sạn	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		372.	Thiết kế đồ họa	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 92% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		373.	Thú y	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023



25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	374.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		375.	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		376.	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		377.	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		378.	Kế toán	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		379.	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		380.	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		381.	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		382.	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		383.	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		384.	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		385.	Luật quốc tế	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		386.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		387.	Thương mại điện tử	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		388.	Quan hệ Quốc tế	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		389.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		390.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
26	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	391.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		392.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		393.	Công nghệ Thông tin	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		394.	Khí tượng Thủy văn học	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		395.	Kế toán	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		396.	Kỹ thuật địa chất	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		397.	Quản lý đất đai	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		398.	Quản lý biển	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		399.	Quản lý tài nguyên và môi trường	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		400.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		401.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		402.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		403.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		404.	Khí tượng và khí hậu học	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		405.	Kỹ thuật địa chất	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		406.	Quản lý biển	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		407.	Quản lý tài nguyên nước	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		408.	Quản trị kinh doanh	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		409.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
27	Trường Đại học Thủ Dầu Một	410.	Sư phạm Ngữ văn	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		411.	Sư phạm Lịch sử	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		412.	Giáo dục Tiểu học	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		413.	Giáo dục Mầm non	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		414.	Giáo dục học	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		415.	Quản lý Tài nguyên - Môi trường	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		416.	Luật	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		417.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		418.	Công tác xã hội	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		419.	Kiến trúc	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		420.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		421.	Quản lý nhà nước	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		422.	Quản lý công nghiệp	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		423.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		424.	Quản lý đất đai	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		425.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		426.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		427.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		428.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		429.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		430.	Hệ thống thông tin	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		431.	Khoa học môi trường	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		432.	Kế toán	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
28	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	433.	Kế toán	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		434.	Quản trị kinh doanh	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		435.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		436.	Tài chính - Ngân hàng	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

		437.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		438.	Công nghệ Thực phẩm	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		439.	Công nghệ Dệt, may	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		440.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		441.	Công nghệ thông tin	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		442.	Kinh doanh thương mại	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		443.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		444.	Ngôn ngữ Anh	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		445.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		446.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		447.	Công nghệ Sợi, dệt	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		448.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
29	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	449.	Sư phạm Hóa học	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		450.	Sư phạm Ngữ văn	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		451.	Sư phạm Địa lý	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		452.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		453.	Giáo dục Chính trị	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 92% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		454.	Giáo dục mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		455.	Sư phạm Lịch sử	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		456.	Sư phạm Sinh học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		457.	Sư phạm Tin học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		458.	Sư phạm Vật lý	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		459.	Tâm lý Giáo dục	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
30	Trường Đại học Tây Đô	460.	Quản trị Kinh doanh	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		461.	Kế toán tổng hợp	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		462.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		463.	Dược học	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		464.	Luật Kinh tế	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		465.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		466.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		467.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		468.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		469.	Điều dưỡng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		470.	Công nghệ thông tin	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		471.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

31	Trường Đại học Thương mại	472.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		473.	Marketing	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		474.	Tài chính - Ngân hàng	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		475.	Kế toán (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		476.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		477.	Kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		478.	Luật kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		479.	Thương mại điện tử	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		480.	Hệ thống thông tin quản lý	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		481.	Quản trị nhân lực	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		482.	Quản trị kinh doanh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		483.	Quản trị khách sạn	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		484.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		485.	Kinh doanh quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		486.	Kinh tế quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		487.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		488.	Kiểm toán	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		489.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
32	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	490.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
		491.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
33	Trường Đại học Ngoại thương	492.	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		493.	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		494.	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		495.	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		496.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		497.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		498.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		499.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		500.	Kinh tế đối ngoại	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		501.	Ngân hàng	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		502.	Tài chính quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		503.	Thương mại quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
34	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	504.	Công nghệ thông tin	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		505.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020



		506.	Giáo dục Tiểu học	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		507.	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		508.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		509.	Giáo dục mầm non	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		510.	Thú Y	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
35	Trường Đại học Quy Nhơn	511.	Sư phạm Toán học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		512.	Sư phạm Hóa học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 82% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		513.	Kỹ thuật điện	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		514.	Giáo dục Tiểu học	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		515.	Giáo dục Mầm non	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		516.	Kế toán	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		517.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		518.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		519.	Ngôn ngữ Anh	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		520.	Quản lý Nhà nước	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		521.	Giáo dục Thể chất	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		522.	Công tác xã hội	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021

		523.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		524.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		525.	Khoa học Dữ liệu (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		526.	Sư phạm Ngữ văn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		527.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		528.	Quản trị khách sạn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		529.	Nông học	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
36	Trường Đại học Lâm nghiệp	530.	Quản trị kinh doanh	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		531.	Quản lý tài nguyên rừng	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		532.	Quản lý đất đai	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		533.	Công nghệ sinh học	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		534.	Công nghệ chế biến lâm sản	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		535.	Kỹ thuật xây dựng	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		536.	Lâm sinh	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		537.	Kế toán	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		538.	Thiết kế nội thất	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		539.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		540.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

37	Học viện Chính sách và Phát triển	541.	Kinh tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		542.	Kinh tế Quốc tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		543.	Quản trị kinh doanh	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		544.	Tài chính - Ngân hàng	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		545.	Quản lý nhà nước	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
38	Trường Đại học Hòa Bình	546.	Công nghệ Thông tin	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		547.	Tài chính - Ngân hàng	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		548.	Thiết kế đồ họa	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		549.	Quan hệ công chúng	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		550.	Kế toán	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		551.	Quản trị Kinh doanh	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		552.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
39	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	553.	Kinh tế học	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		554.	Quản trị Khách sạn	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		555.	Kinh doanh quốc tế	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		556.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		557.	Marketing	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		558.	Quản trị công và Chính sách bằng tiếng Anh	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		559.	Kinh tế phát triển	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		560.	Kinh tế đầu tư	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		561.	Quản trị nhân lực	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		562.	Kinh tế và Quản lý đô thị	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		563.	Hệ thống thông tin quản lý học	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		564.	Bảo hiểm	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		565.	Kinh tế nông nghiệp	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		566.	Thống kê kinh tế	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		567.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		568.	Luật	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
40	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	569.	Công nghệ thông tin	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		570.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		571.	Kinh tế vận tải	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		572.	Kinh tế xây dựng	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		573.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		574.	Kỹ thuật xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023

		575.	Kỹ thuật điện	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		576.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		577.	Kỹ thuật cơ khí	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		578.	Kỹ thuật ô tô	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
41	Trường Đại học Văn Lang	579.	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		580.	Quản trị Khách sạn	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		581.	Ngôn ngữ Anh	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		582.	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		583.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		584.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		585.	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		586.	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		587.	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		588.	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		589.	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		590.	Quan hệ Công chúng	3/2021	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		591.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		592.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		593.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		594.	Quản lý xây dựng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		595.	Luật kinh tế	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		596.	Đông phương học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		597.	Văn học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		598.	Tâm lý học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		599.	Thanh nhạc	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		600.	Kỹ thuật phần mềm	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
42	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	601.	Công nghệ Thông tin	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		602.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 88% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		603.	Sư phạm Ngữ văn	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		604.	Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

43	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	605.	Công nghệ thông tin	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		606.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		607.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		608.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		609.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		610.	Công nghệ chế tạo máy	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		611.	Công nghệ may	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		612.	Kế toán	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		613.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		614.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	615.	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		616.	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		617.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 96% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
45	Trường Đại học Cần Thơ	618.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		619.	Sư phạm tiếng Anh	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022

		620.	Sư phạm Hóa học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		621.	Sư phạm Sinh học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		622.	Sư phạm Vật lý	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		623.	Kỹ thuật Cơ khí	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		624.	Sư phạm Ngữ văn	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		625.	Luật	10/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		626.	Văn học	12/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		627.	Kỹ thuật xây dựng	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		628.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		629.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		630.	Kỹ thuật vật liệu	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		631.	Triết học	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		632.	Hóa dược	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		633.	Kế toán	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		634.	Quản trị kinh doanh	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023



		635.	Giáo dục thể chất	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		636.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		637.	Giáo dục công dân	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		638.	Kỹ thuật môi trường	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		639.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		640.	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		641.	Kinh tế	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		642.	Tài chính-Ngân hàng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		643.	Sư phạm Tiếng Pháp	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		644.	Thông tin - Thư viện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		645.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		646.	Luật Kinh tế (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
46	Trường Đại học Phan Thiết	647.	Quản trị kinh doanh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		648.	Quản trị khách sạn	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		649.	Công nghệ thông tin	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		650.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		651.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		652.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		653.	Tài chính - Ngân hàng	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		654.	Luật kinh tế	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
47	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	655.	Kỹ thuật Xây dựng	9/2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		656.	Kiến trúc	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		657.	Kỹ thuật cấp thoát nước	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		658.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		659.	Kế toán	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
48	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	660.	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		661.	Luật Thương mại quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		662.	Quản trị - Luật	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		663.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		664.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		665.	Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		666.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		667.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
49	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	668.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
50	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	669.	Điều dưỡng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		670.	Dược học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		671.	Răng hàm mặt	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		672.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		673.	Y học dự phòng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		674.	Y học cổ truyền	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		675.	Y khoa	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		676.	Y tế công cộng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		677.	Nội khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		678.	Ngoại khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		679.	Nhi khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

		680.	Dược lý-Dược lâm sàng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		681.	Răng hàm mặt (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		682.	Y học dự phòng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		683.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
51	Trường Đại học Văn Hiến	684.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		685.	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		686.	Đông phương học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		687.	Tâm lý học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		688.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 88% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		689.	Ngôn ngữ Nhật	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
		690.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
		691.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
52	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	692.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		693.	Kiểm toán	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		694.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		695.	Công nghệ Thông tin	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		696.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		697.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		698.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		699.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		700.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		701.	Quản trị kinh doanh	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		702.	Hệ thống thông tin	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		703.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		704.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		705.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		706.	Quản trị nhân lực	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		707.	Công nghệ dệt, may	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		708.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		709.	Thiết kế thời trang	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		710.	Kỹ thuật phần mềm	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		711.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		712.	Quản trị khách sạn	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		713.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		714.	Kế toán	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		715.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		716.	Marketing	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
53	Trường Đại học Hà Tĩnh	717.	Giáo dục mầm non	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		718.	Giáo dục chính trị	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		719.	Kế toán	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		720.	Công nghệ thông tin	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		721.	Ngôn ngữ Anh	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
54	Trường Đại học Thăng Long	722.	Quản trị kinh doanh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		723.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		724.	Khoa học máy tính	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021

		725.	Điều dưỡng	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		726.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		727.	Kế toán	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		728.	Tài chính - Ngân hàng	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		729.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		730.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		731.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		732.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		733.	Quản lý bệnh viện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		734.	Y tế công cộng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
55	Trường Đại học Phenikaa	735.	Dược học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		736.	Điều dưỡng	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		737.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		738.	Kế toán	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		739.	Quản trị kinh doanh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		740.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		741.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		742.	Công nghệ vật liệu	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		743.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ);	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
56	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	744.	Công nghệ Thông tin	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		745.	Tâm lý học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		746.	Công nghệ Sinh học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		747.	Giáo dục Chính trị	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		748.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		749.	Sư phạm Lịch sử	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		750.	Công tác xã hội	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		751.	Giáo dục Mầm non	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		752.	Sư phạm âm nhạc	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		753.	Sư phạm Địa lý	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		754.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	9/2023			



		755.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		756.	Báo chí	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		757.	Giáo dục học tiểu học (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		758.	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		759.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		760.	Địa lý	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		761.	Hóa học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		762.	Sư phạm Sinh học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		763.	Sư phạm Tin học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		764.	Việt Nam học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
57	Học viện Ngoại giao	765.	Quan hệ Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		766.	Kinh tế Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		767.	Luật Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		768.	Truyền thông Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		769.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

58	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	770.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	12/2020	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		771.	Y khoa	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		772.	Điều dưỡng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		773.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		774.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
59		775.	Giáo dục Mầm Non	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		776.	Kế toán	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		777.	Giáo dục Tiểu học	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		778.	Quản trị kinh doanh	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		779.	Sư phạm Tiếng Anh	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		780.	Giáo dục tiểu học	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		781.	Sư phạm Toán	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		782.	Sư phạm Ngữ văn	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		783.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		784.	Quản trị kinh doanh	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

60	Trường Đại học Hong Đức	785.	Sư phạm Địa lý	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		786.	Công nghệ thông tin	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		787.	Luật	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		788.	Kế toán	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		789.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		790.	Giáo dục thể chất	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		791.	Chăn nuôi	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		792.	Giáo dục Mầm non	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		793.	Khoa học máy tính	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		794.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		795.	Sư phạm Sinh học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		796.	Sư phạm Vật lý	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		797.	Sư phạm Hóa học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		798.	Tài chính - Ngân hàng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		799.	Du lịch	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		800.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		801.	Kỹ thuật điện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		802.	Ngôn ngữ Anh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		803.	Lý luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		804.	Toán giải tích (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
61	Trường Đại học Sao Đỏ	805.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		806.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		807.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		808.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		809.	Công nghệ thông tin	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		810.	Quản trị kinh doanh	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		811.	Ngôn ngữ Trung quốc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		812.	Công nghệ dệt, may	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		813.	Kế toán	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
62	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	814.	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		815.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		816.	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		817.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		818.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		819.	Công nghệ sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		820.	Công tác xã hội	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		821.	Đông Nam Á học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		822.	Luật	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		823.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		824.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		825.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		826.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		827.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
63	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	828.	Ngôn ngữ Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		829.	Sư phạm tiếng Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022

64	Học viện Hàng không Việt Nam	830.	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		831.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		832.	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
65	Trường Đại học Tân Trào	833.	Giáo dục Mầm non	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		834.	Giáo dục Tiểu học	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		835.	Kế toán	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
66	Trường Đại học Công đoàn	836.	Quản trị kinh doanh	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		837.	Quản trị nhân lực	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		838.	Xã hội học	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		839.	Bảo hộ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		840.	Công tác xã hội	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		841.	Tài chính - Ngân hàng	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		842.	Kế toán	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		843.	Luật	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		844.	Quan hệ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		845.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		846.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		847.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		848.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		849.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		850.	Quản trị nhân lực (trình độ tiến sĩ)	10/2023	11/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/11/2023
67	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	851.	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		852.	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
68	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	853.	Khoa học cây trồng	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		854.	Nuôi trồng thủy sản	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		855.	Quản lý đất đai	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		856.	Phát triển nông thôn	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		857.	Thú y	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		858.	Công nghiệp thực phẩm	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
69	Trường Đại học Y tế công cộng	859.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (17/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		860.	Y tế công cộng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		861.	Công tác xã hội	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		862.	Dinh dưỡng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
70	Trường Đại học Tiền Giang	863.	Công nghệ thông tin	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		864.	Công nghệ thực phẩm	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		865.	Kế toán	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		866.	Quản trị Kinh doanh	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		867.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		868.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		869.	Giáo dục Mầm non	01/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 95,34% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
71	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	870.	Luật	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		871.	Luật Kinh tế	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
72	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	872.	Quản lý Giáo dục	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		873.	Giáo dục Tiểu học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		874.	Ngôn ngữ Trung Quốc	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022



		875.	Giáo dục Mầm non	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		876.	Giáo dục công dân	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		877.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		878.	Việt Nam học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		879.	Sư phạm Toán	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		880.	Sư phạm Ngữ văn	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		881.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		882.	Quản trị khách sạn	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		883.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		884.	Chính trị học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		885.	Quản trị kinh doanh	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		886.	Logistics	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		887.	Quản lý chuỗi cung ứng	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
73	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	888.	Quan hệ quốc tế	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		889.	Triết học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		890.	Xã hội học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		891.	Quan hệ công chúng	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		892.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		893.	Kinh tế chính trị	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		894.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		895.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		896.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		897.	Quảng cáo	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		898.	Xuất bản	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
74	Trường Đại học Mở Hà Nội	899.	Công nghệ Sinh học	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		900.	Luật kinh tế	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		901.	Quản trị Kinh doanh	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		902.	Công nghệ thông tin	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		903.	Công nghệ thực phẩm	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		904.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		905.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		906.	Kế toán	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		907.	Thương mại điện tử	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		908.	Tài chính - Ngân hàng	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		909.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		910.	Luật	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		911.	Luật quốc tế	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		912.	Kiến trúc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		913.	Ngôn ngữ Trung quốc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		914.	Ngôn ngữ Anh	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
75	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	915.	Công nghệ thông tin	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		916.	Quản trị kinh doanh	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		917.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		918.	Kỹ thuật môi trường	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		919.	Kỹ thuật cơ khí	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		920.	Kinh tế vận tải	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		921.	Kỹ thuật tàu thủy	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		922.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		923.	Tài chính - Ngân hàng	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		924.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		925.	Ngôn ngữ Anh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		926.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
76	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	927.	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		928.	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		929.	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		930.	Kế toán	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		931.	Kinh doanh quốc tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		932.	Luật Kinh tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		933.	Đông phương học	11/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
77	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	934.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		935.	Điều dưỡng	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		936.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		937.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		938.	Y học cổ truyền	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
78	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	939.	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		940.	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		941.	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		942.	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		943.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		944.	Thiết kế thời trang	11/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (12/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
79	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	945.	Kế toán	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		946.	Kinh tế đầu tư	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		947.	Tài chính doanh nghiệp	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 94% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
80	Trường Đại học Tây Nguyên	948.	Công nghệ sinh học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		949.	Giáo dục tiểu học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		950.	Quản trị kinh doanh	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		951.	Sư phạm tiếng Anh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		952.	Y khoa	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		953.	Giáo dục Thể chất	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		954.	Sư phạm Ngữ văn	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		955.	Sư phạm Vật lý	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		956.	Sư phạm Toán học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		957.	Sư phạm Hoá học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		958.	Lâm sinh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		959.	Thú y	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		960.	Giáo dục Chính trị	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		961.	Điều Dưỡng	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		962.	Bảo vệ thực vật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		963.	Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		964.	Giáo dục mầm non	01/2024			Cập nhật 31/01/2024

		965.	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		966.	Quản lý đất đai	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		967.	Sư phạm sinh học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		968.	Tài chính ngân hàng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		969.	Văn học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
81	Trường Đại học Đông Á	970.	Quản trị kinh doanh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		971.	Ngôn ngữ Anh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		972.	Kế toán	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
82	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	973.	Quản lý nhà nước	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		974.	Quản lý văn hóa	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		975.	Lưu trữ học	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
83	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	976.	Khoa học cây trồng	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		977.	Công nghệ thực phẩm	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		978.	Kế toán	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		979.	Thú y	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		980.	Quản lý đất đai	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
84	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	981.	Sư phạm Toán học	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		982.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		983.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		984.	Giáo dục Mầm non	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		985.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		986.	Giáo dục công dân	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		987.	Giáo dục thể chất	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		988.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		989.	Sư phạm Hóa học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		990.	Sư phạm Sinh học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		991.	Sư phạm Vật lí	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		992.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		993.	Lý luận văn học (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		994.	Ngôn ngữ Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023



		995.	Văn học Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		996.	Sư phạm Tin học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		997.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		998.	Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		999.	Ngôn ngữ Anh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1000.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1001.	Việt Nam học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
85	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1002.	Y khoa	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1003.	Dược sĩ	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1004.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1005.	Nội khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1006.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1007.	Y học cổ truyền	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1008.	Điều dưỡng	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1009.	Nhi khoa	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023

		1010.	Răng hàm mặt	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1011.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
86	Trường Đại học Đà Lạt	1012.	Luật	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1013.	Công tác xã hội	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1014.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1015.	Đông phương học	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1016.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
87	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	1017.	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1018.	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1019.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1020.	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1021.	Tài chính - Ngân hàng	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1022.	Truyền thông đa phương tiện	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1023.	Ngôn ngữ Anh	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1024.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		1025.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1026.	Luật kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1027.	Quan hệ quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1028.	Răng hàm mặt	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1029.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1030.	Kiến trúc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
88	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	1031.	Công tác xã hội	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1032.	Khoa học quản lý	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1033.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1034.	Luật	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
89	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	1035.	Kế toán	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1036.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1037.	Quản trị kinh doanh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1038.	Tài chính - Ngân hàng	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi	1039.	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

	trường TP. Hồ Chí Minh	1040.	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1041.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1042.	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1043.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1044.	Hệ thống thông tin	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1045.	Quản lý đất đai	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1046.	Thủy văn học	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1047.	Kỹ thuật cấp thoát nước	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1048.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1049.	Quản lý tổng hợp tài nguyên	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
91	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	1050.	Sư phạm Âm nhạc	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1051.	Sư phạm Mỹ thuật	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1052.	Thiết kế đồ họa	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1053.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
92	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	1054.	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		1055.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1056.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1057.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1058.	Công nghệ thông tin	3/2023	10/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 90% (11/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1059.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1060.	Thiết kế Công nghiệp	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
93	Học viện Ngân hàng	1061.	Ngân hàng	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1062.	Tài chính	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1063.	Kế toán	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1064.	Quản trị doanh nghiệp	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1065.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1066.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1067.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1068.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1069.	Luật kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024

		1070.	Hệ thống thông tin quản lý trong lĩnh vực tài chính - Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1071.	Kinh tế đầu tư	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1072.	Kinh doanh quốc tế	11/2023			
		1073.	Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
94	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	1074.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1075.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1076.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1077.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1078.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1079.	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1080.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1081.	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
95	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	1082.	Luật	01/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
96	Trường Đại học Hạ Long	1083.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1084.	Khoa học máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1085.	Ngôn ngữ Anh	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1086.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1087.	Quản lý tài nguyên và môi trường	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1088.	Quản trị khách sạn	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 94% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1089.	Quản lý văn hóa	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1090.	Ngôn ngữ Nhật	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1091.	Ngôn ngữ Trung Quốc	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1092.	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
97	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	1093.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1094.	Điều dưỡng đa khoa	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
		1095.	Dược học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1096.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1097.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1098.	Y khoa	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
98	Trường Đại học Lao động - Xã hội	1099.	Bảo hiểm	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1100.	Quản trị nhân lực	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1101.	Kế toán	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1102.	Công tác xã hội	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1103.	Quản trị kinh doanh	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1104.	Tâm lý học	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1105.	Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1106.	Luật Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1107.	Quản trị nhân lực (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1108.	Kế toán (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1109.	Công tác xã hội (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1110.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
99	Học viện Tài chính	1111.	Kế toán	01/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
100	Trường Đại học Khoa học Xã hội	1112.	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1113.	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1114.	Lưu trữ học	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023



	và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1115.	Hàn Quốc	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1116.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1117.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1118.	Ngôn ngữ học	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1119.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		1120.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1121.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1122.	Báo chí	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1123.	Quan hệ quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1124.	Triết học	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
101	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	1125.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1126.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1127.	Hóa học	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1128.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		1129.	Kế toán	12/2022	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023

		1130.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	3/2023 (VNU-CEA	Đạt 84% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
102	Trường Đại học Cửu Long	1131.	Công nghiệp thực phẩm	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1132.	Luật kinh tế	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1133.	Quản trị kinh doanh	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1134.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1135.	Điều dưỡng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1136.	Tài chính ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1137.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1138.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1139.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1140.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1141.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1142.	Kế toán	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1143.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
103	Trường Đại học Sân khấu	1144.	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022

	- Điện ảnh Hà Nội	1145.	Đạo diễn điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1146.	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1147.	Huấn luyện múa	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1148.	Nhiếp ảnh báo chí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1149.	Diễn viên Chèo	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1150.	Đạo diễn truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1151.	Âm thanh điện ảnh - truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1152.	Biên đạo múa	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1153.	Diễn viên Cải lương	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1154.	Biên kịch điện ảnh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1155.	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1156.	Quay phim truyền hình	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1157.	Đạo diễn sân khấu	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
104	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1158.	Công nghệ thực phẩm	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		1159.	Hệ thống thông tin	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		1160.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1161.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1162.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1163.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 94% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
105	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1164.	Quản trị kinh doanh	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1165.	Kế toán	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1166.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1167.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1168.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		1169.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
106	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	1170.	Tài chính – Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1171.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
107	Trường Đại học Điện lực	1172.	Điện tử viễn thông	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1173.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1174.	Quản trị kinh doanh	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1175.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1176.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1177.	Tài chính - Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1178.	Quản lý năng lượng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1179.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1180.	Cơ khí	10/2023			
		1181.	Cơ điện tử	10/2023			
		1182.	Kiểm toán	11/2023			
		1183.	Thương mại điện tử	11/2023			
		1184.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	11/2023			
		1185.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1186.	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1187.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1188.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
108	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn	1189.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

	thông	1190.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1191.	Kế toán	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1192.	Quản trị kinh doanh	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1193.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1194.	Marketing	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1195.	An toàn thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1196.	Công nghệ đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1197.	Truyền thông đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1198.	Thương mại điện tử	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
109	Trường Đại học Hải Phòng	1199.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1200.	Kế toán doanh nghiệp	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1201.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
110	Trường Đại học Quảng Bình	1202.	Giáo dục Tiểu học	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1203.	Công nghệ thông tin	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1204.	Ngôn ngữ Anh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		1205.	Quản trị kinh doanh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
111	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1206.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1207.	Điều dưỡng	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1208.	Công nghệ thông tin	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1209.	Công nghệ sinh học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1210.	Quan hệ công chúng.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1211.	Đông phương học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1212.	Kiến trúc	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1213.	Ngôn ngữ Anh.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1214.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1215.	Dược học.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
112	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1216.	Sư phạm Mỹ thuật	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1217.	Giáo dục Mầm non	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1218.	Sư phạm Âm nhạc	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1219.	Quản lý nhà nước	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1220.	Quản trị khách sạn	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1221.	Luật	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1222.	Ngôn ngữ Anh	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1223.	Thanh nhạc	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
113	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1224.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1225.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1226.	Hệ thống thông tin	6/2022			Cập nhật 30/6/2022
		1227.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1228.	Kế toán	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1229.	Kinh tế xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1230.	Tài chính - Ngân hàng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1231.	Thương mại điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1232.	Khai thác vận tải	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1233.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1234.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	11/2023			Cập nhật 30/11/2023



		1235.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1236.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1237.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1238.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1239.	Công nghệ thông tin	02/2023	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
114	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1240.	Kiến trúc	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1241.	Kỹ thuật xây dựng	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1242.	Quản trị kinh doanh	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1243.	Thiết kế Nội thất	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1244.	Kế toán	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1245.	Tài chính ngân hàng	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1246.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1247.	Thiết kế đồ họa	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1248.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1249.	Quản lý xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

		1250.	Ngôn ngữ Anh	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1251.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1252.	Công nghệ thông tin	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1253.	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
115	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1254.	Y khoa	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1255.	Dược học	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
116	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1256.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1257.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1258.	Kỹ thuật phần mềm	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1259.	Quản trị kinh doanh	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1260.	Điều dưỡng	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1261.	Kỹ thuật điện	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1262.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/11/2023
117	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1263.	Dược học	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1264.	Luật kinh tế	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

118	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1265.	Công tác xã hội	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1266.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1267.	Công nghệ sinh học	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1268.	Công nghệ thực phẩm	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1269.	Thú Y	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1270.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1271.	Du lịch	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1272.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1273.	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1274.	Kinh tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1275.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
119	Trường Đại học Thành Đô	1276.	Công nghệ thông tin	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1277.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1278.	Dược học	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1279.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ )	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		1280.	Việt Nam học	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1281.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1282.	Quản lý kinh tế	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
120	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	1283.	Hóa học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 98% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1284.	Sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1285.	Khoa học Môi trường	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
121	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1286.	Quản lý văn hóa	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1287.	Thông tin - Thư viện	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1288.	Văn hóa học	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
122	Trường Đại học Gia Định	1289.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 80% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1290.	Tài chính – Ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1291.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1292.	Kế toán	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1293.	Luật	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1294.	Công nghệ thông tin	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		1295.	Kỹ thuật phần mềm	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
123	Trường Đại học Kiên Giang	1296.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1297.	Công nghệ thực phẩm	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1298.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1299.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1300.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1301.	Sư phạm Toán học	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1302.	Luật	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1303.	Nuôi trồng thủy sản	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1304.	Quản trị kinh doanh	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1305.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
124	Trường Đại học Thái Bình	1306.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1307.	Kế toán	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1308.	Kinh tế	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1309.	Quản trị kinh doanh	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

125	Trường Đại học Bình Dương	1310.	Quản trị kinh doanh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1311.	Tài chính - Ngân hàng	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1312.	Ngôn ngữ Anh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
126	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1313.	Kỹ thuật cơ khí	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1314.	Kỹ thuật Điện	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1315.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1316.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
127	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1317.	Việt Nam học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1318.	Sư phạm Sinh học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1319.	Sư phạm Lịch sử	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1320.	Sư phạm Địa lý	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
128	Trường Đại học Đại Nam	1321.	Dược học	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1322.	Quản trị kinh doanh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1323.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1324.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1325.	Công nghệ thông tin	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1326.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1327.	Quan hệ công chúng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1328.	Tài chính – Ngân hàng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
129	Trường Du lịch - Đại học Huế	1329.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2022	3/2023 (VNU-CEA)	86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
130	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	1330.	Công nghệ thông tin	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1331.	Báo chí	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1332.	Kiến trúc	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 86% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
131	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1333.	Ngôn ngữ Hàn quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1334.	Ngôn ngữ Nhật bản	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1335.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1336.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1337.	Ngôn ngữ Nga	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1338.	Sư phạm tiếng Pháp	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1339.	Sư phạm tiếng Trung Quốc	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1340.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1341.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1342.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1343.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1344.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1345.	Quốc tế học (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
132	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1346.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1347.	Hệ thống thông tin	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1348.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1349.	Kỹ thuật Máy tính	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1350.	Công nghệ Thông tin	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1351.	Cơ kỹ thuật		10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1352.	Kỹ thuật Robot	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1353.	Vật lý kỹ thuật	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024



		1354.	Kỹ thuật Năng lượng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1355.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1356.	Công nghệ Hàng không Vũ trụ	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
133	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1357.	Ngôn ngữ Nhật	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1358.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1359.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1360.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1361.	Sư phạm tiếng Trung	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1362.	Sư phạm tiếng Anh	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1363.	Sư phạm tiếng Hàn	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1364.	Sư phạm tiếng Nhật	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1365.	Sư phạm tiếng Đức	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
134	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1366.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1367.	Công nghệ thông tin	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1368.	Kế toán	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1369.	Quản trị kinh doanh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1370.	Đông Phương học	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1371.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1372.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1373.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1374.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1375.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1376.	Quản trị khách sạn	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1377.	Luật	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1378.	Đông phương học (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1379.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1380.	Công nghệ thông tin (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1381.	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
135	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1382.	Quản lý công nghiệp	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1383.	Công nghệ may	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

136	Trường Đại học Quảng Nam	1384.	Giáo dục Tiểu học	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1385.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1386.	Ngôn ngữ Anh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1387.	Việt Nam học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1388.	Giáo dục Mầm non	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1389.	Sư phạm Toán	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
137	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1390.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1391.	Khoa học y sinh	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1392.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
138	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	1393.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1394.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1395.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1396.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1397.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1398.	Tài chính ngân hàng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

		1399.	Quản trị kinh doanh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1400.	Kinh tế	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
139	Trường Đại học Khánh Hòa	1401.	Sư phạm Toán học	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1402.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
140	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1403.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1404.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1405.	Công nghệ thông tin	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1406.	Quản lý bệnh viện	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1407.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1408.	Kế toán	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1409.	Ngôn ngữ Anh	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		1410.	Ngôn ngữ Nhật	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		1411.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/10/2023
		1412.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1413.	Marketing	01/2024			Cập nhật 31/01/2024

		1414.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
141	Trường Đại học Luật Hà Nội	1415.	Luật	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1416.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1417.	Luật Kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1418.	Luật Thương mại quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
142	Trường Đại học Thái Bình Dương	1419.	Du lịch	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1420.	Luật	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1421.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
143	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1422.	Dược sĩ	02/2023	9/2023 VU-CEA		Cập nhật 30/9/2023
144	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1423.	Kiến trúc	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1424.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1425.	Quy hoạch vùng và đô thị	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1426.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1427.	Thiết kế thời trang	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1428.	Công nghệ thông tin	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023

		1429.	Thiết kế đồ họa	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1430.	Kinh tế xây dựng	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1431.	Điêu khắc	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1432.	Thiết kế nội thất	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
145	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	1433.	Luật kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1434.	Quản lý kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
146	Trường Đại học Trà Vinh	1435.	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	02/2023	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8//2023)	Cập nhật 31/8/2023
147	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1436.	Hệ thống thông tin quản lý	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1437.	Ngôn ngữ Anh	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1438.	Luật kinh tế	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1439.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1440.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1441.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
148	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1442.	Kế toán	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1443.	Quản trị kinh doanh	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		1444.	Thú y	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
149	Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	1445.	Quản lý Thể dục Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD		Cập nhật 31/01/2024
		1446.	Huấn luyện Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD		Cập nhật 31/01/2024
		1447.	Giáo dục Thể chất	4/2023	01/2024 (CEA-UD		Cập nhật 31/01/2024
150	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1448.	Luật	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1449.	Quản trị kinh doanh	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1450.	Công tác xã hội	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1451.	Giới và Phát triển	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1452.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1453.	Truyền thông Đa phương tiện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
151	Trường Đại học Đồng Nai	1454.	Sư phạm Toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1455.	Sư phạm Ngữ văn	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1456.	Ngôn ngữ Anh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1457.	Kế toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1458.	Quản trị kinh doanh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023

152	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1459.	Kế toán	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1460.	Thương mại điện tử	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1461.	Toán kinh tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1462.	Tài chính - Ngân hàng	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1463.	Kinh doanh quốc tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1464.	Quản trị kinh doanh	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1465.	Marketing	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
153	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1466.	Quản trị kinh doanh	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1467.	Công nghệ thông tin	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1468.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
154	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	1469.	Luật kinh tế	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1470.	Quản lý nhà nước	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
155	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1471.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1472.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1473.	Nuôi trồng thủy sản	10/2023			Cập nhật 31/10/2023



156	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1474.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1475.	Xã hội học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1476.	Kinh tế đầu tư	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1477.	Ngôn ngữ Anh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1478.	Quản lý đất đai	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1479.	Nông nghiệp công nghệ cao	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1480.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1481.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1482.	Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
157	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1483.	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1484.	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Tài chính	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1485.	Kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1486.	Dược học	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1487.	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1488.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024

		1489.	Kế toán	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1490.	Ngôn ngữ Anh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1491.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1492.	Luật kinh tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1493.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1494.	Kinh doanh quốc tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
158	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1495.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1496.	Công nghệ Chế tạo máy	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1497.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1498.	Kỹ thuật Công nghiệp	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1499.	Kỹ nghệ Gỗ và Nội thất	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1500.	Robot và Trí tuệ nhân tạo	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1501.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1502.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1503.	Công nghệ Vật liệu	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

		1504.	Kiến trúc	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1505.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1506.	Quản lý xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1507.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1508.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1509.	Công nghệ Thực phẩm	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1510.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1511.	Năng lượng tái tạo	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
159	Trường Đại học Tân Tạo	1512.	Y khoa	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
160	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	1513.	Tài chính - Ngân hàng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1514.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1515.	Kế toán	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1516.	Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1517.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024

## 2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TDG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	1.	Giáo dục Tiểu học	3/2020			Cập nhật 31/3/2020
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2.	Giáo dục Mầm non	5/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 83,72% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	3.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	4.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	5.	Giáo dục Mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	6.	Giáo dục Mầm non	11/2021	3/2022 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	7.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	8.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
9	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	9.	Giáo dục Mầm non	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
10	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	10.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 83,7% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	11.	Giáo dục Mầm non	11/2022			Cập nhật 30/11/2022

12	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	12.	Giáo dục Mầm non	6/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
13	Trường Cao đẳng Bến Tre	13.	Giáo dục Mầm non	6/2023			Cập nhật 30/6/2023

*(Danh sách có 1.530 CTĐT, trong đó 1.517 CTĐT các trình độ của GDDH và 13 CTĐT trình độ CĐSP)*